

THƯ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4122 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 17 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai với diện tích 57.555 m²” của Công an tỉnh Đồng Nai tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai với diện tích 57.555 m²” tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã được Công an tỉnh Đồng Nai chỉnh sửa tại Văn bản số 3297/CA1-PH10 ngày 25/11/2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1332/TTr-STNMT ngày 10/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai với diện tích 57.555 m²” tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Dự án) của Công an tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 1 Quyết định này và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- UBND thành phố Biên Hòa;
- UBND phường An Bình;
- Chánh, Phó Văn phòng KTN;

Lưu: VT, CNN, KT.

QĐĐT.M.ĐautuxdTrungtamchihuyCAT-CAT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Chánh



Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN **“Đầu tư xây dựng Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai với diện tích 57.555 m²” của Công an tỉnh Đồng Nai tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**

(Kèm theo Quyết định số 4122/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

1. Thông tin về phạm vi, quy mô của dự án:

1.1. Vị trí: Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.2. Tổng diện tích Dự án: 57.555 m².

1.3. Các hạng mục công trình chính: Nhà trung tâm chỉ huy, nhà ở doanh trại, nhà làm việc khối tiếp dân, nhà khách - công vụ, nhà luyện tập võ thuật và TDTT kết hợp kho hậu cần, 02 nhà trạm điện, nhà thường trực, bến thủy nội địa phục vụ cho ca nô tuần tra.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt; khí thải từ giao thông, nấu ăn, máy phát điện dự phòng và chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sinh hoạt và quản lý vận hành dự án.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt khoảng 130 m³/ngày.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi chủ yếu phát sinh từ các phương tiện giao thông;

- Hoạt động nấu ăn từ khu bếp ăn, căn tin;

- Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng công suất 160kVA và 800kVA sử dụng dầu DO.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt: Vỏ rau quả, đồ ăn thừa,.. ước tính khoảng 681 kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường: Giấy, thùng carton, bao bì nylon, thủy tinh, kim loại, bùn thải từ bể tự hoại, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải bằng sinh học,... khoảng 453 kg/ngày.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại: Các loại chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình vận hành dự án gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải, dầu thải,... ước tính khoảng 81 kg/tháng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Thiết kế hệ thống thu gom, thoát nước thải và vị trí đầu nổi nước thải của dự án ra sông Cái.

- Lắp đặt 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày. Quy trình xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại + nước thải từ nhà tắm, bếp ăn → song chắn rác → bể thu gom → bể điều hòa → bể anoxic → bể sinh học hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → thiết bị lọc áp lực → nguồn tiếp nhận (sông Cái).

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý toàn bộ phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A, K = 1,0.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Thường xuyên vệ sinh các khu vực lưu giữ chất thải để giảm thiểu mùi hôi phát sinh.

- Trồng cây xanh, thảm cỏ để giảm thiểu phát tán bụi.

- Sử dụng nhiên liệu có chứa hàm lượng lưu huỳnh thấp cho hoạt động của máy phát điện dự phòng, khí thải phát sinh được thu gom và phát thải qua ống khói.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi, không phát tán mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường (lưu ý tại khu chứa chất thải rắn sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án).

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

- Bố trí các thiết bị, dụng cụ, thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt chuyên dụng và thu gom với tần suất thu gom 01 lần/ngày.

- Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 25 m².

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại với diện tích 25 m².

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện chuyển giao chất thải với tần suất phù hợp với khả năng lưu chứa của kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung trong quá trình hoạt động của 02 máy phát điện dự phòng.

- Mạng lưới thu gom nước mưa: Thiết kế và xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với nước thải; nước mưa toàn dự án được thu gom và thoát

ra sông Cái tại 02 vị trí.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý nước thải, chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị hư hỏng.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy. Bể chứa nước sử dụng cho công tác phòng cháy và chữa cháy gồm 03 bể (có dung tích 80 m³, 261 m³ và 478 m³).

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 250 m³/ngày, kho lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án trong giai đoạn hoạt động:

5.1. Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: Tại bể gom nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải 250m³/ngày và nước thải đầu ra sau bể lọc áp lực.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻ tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻ tính theo P), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliform.

- Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BNMT cột A, K = 1,0.

5.2. Giám sát chất thải rắn:

- Vị trí giám sát: Khu lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp

thông thường và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.3 Giám sát nước mặt:

- Vị trí giám sát: Tại sông Cái - vị trí cửa xả.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Thông số giám sát: DO, pH, BOD₅, TSS, Amoni (NH₄⁺ tính theo N), Clorua (Cl⁻), Nitrit (NO₂⁻ tính theo N), Nitrat (NO₃⁻ tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻ tính theo P), Tổng dầu mỡ, Coliform.

- Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

6.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng của Dự án:

- Quản lý, kiểm soát, xử lý nước thải, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại và các loại chất thải khác đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường, quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng theo Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng, quy định về quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6.2. Trong giai đoạn vận hành Dự án

- Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

- Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy hoạch chi tiết của Dự án, nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu đối với Dự án.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo quy định tại Điều 16, 16a và 16b, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ).

- Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước và các quy định pháp luật có liên quan khác.

- Trước khi đưa bến thủy nội địa vào hoạt động, đề nghị Chủ dự án phải hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến hoạt động bến thủy nội địa thuộc ngành giao thông quy định và tuân theo những quy định của pháp luật về quản lý bến thủy nội địa.

- Tuyệt đối không được thực hiện sửa chữa, vệ sinh phương tiện tàu thủy tại khu vực dự án nhằm tránh sự cố rơi vãi dầu nhớt gây ô nhiễm nguồn nước sông Cái.

- Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

